|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS GIA QUẤT****Năm học 2023 - 2024** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I****MÔN: Địa lí 9**  |

**I. NỘI DUNG ÔN TẬP**

- Vùng Trung du và Miền núi Bắc Bộ.

- Vùng Đồng bằng Sông Hồng.

- Vùng Bắc Trung Bộ.

- Vùng Duyên Hải Nam Trung Bộ.

**II. MỘT SỐ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM**

**Câu 1.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết tỉnh nào thuộc Trung du và miền núi Bắc Bộ?

**A.** Lai Châu.

 **B.** Vĩnh Phúc.

 **C.** Hải Dương.

 **D.** Hải Phòng.

**Câu 2.** Cây công nghiệp quan trọng nhất của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

**A.** chè.

**B.** cà phê.

**C.** đậu tương.

**D.** thuốc lá.

**Câu 3.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết trung tâm công nghiệp có quy mô giá trị sản xuất từ 9 - 40 nghìn tỉ đồng ở Trung du miền núi Bắc Bộ là

**A.** Cẩm Phả.

**B.** Hạ Long.

 **C.** Thái Nguyên.

 **D.** Việt Trì.

**Câu 4.** Ngành nào **không** phải là thế mạnh kinh tế của Trung du và miền núi Bắc Bộ?

 **A.** Khai thác khoáng sản, phát triển thủy điện.

 **B.** Trồng rừng, chăn nuôi gia súc lớn.

 **C.** Trồng cây lương thực, chăn nuôi gia cầm.

 **D.** Trồng cây công nghiệp lâu năm, rau quả cận nhiệt và ôn đới.

**Câu 5.** Đồng bằng sông Hồng tiếp giáp với vùng kinh tế nào sau đây?

**A.** Trung du miền núi Bắc Bộ

**B.** Tây Nguyên.

**C.** Duyên hải Nam Trung Bộ.

**D.** Đông Nam Bộ.

**Câu 6.** Căn cứ vào Atlat Địa lí Việt Nam trang 23 cho biết tuyến quốc lộ nào nằm hoàn toàn trong vùng Đồng bằng sông Hồng?

**A.** Quốc lộ 2.

**B.** Quốc lộ 5.

**C.** Quốc lộ 6.

**D.** Quốc lộ 18.

**Câu 7.** Ranh giới tự nhiên giữa Bắc Trung Bộ và Duyên Hải Nam Trung Bộ là

**A.** dãy núi Hoành Sơn.

**B.** dãy núi Bạch Mã.

**C.** sông Bến Hải.

**D.** sông Ranh.

**Câu 8.** Bắc Trung Bộ **không** tiếp giáp với

**A.** Lào.

**B.** Biển Đông.

**C.** Đồng bằng sông Hồng.

**D.** Tây Nguyên.

**Câu 9.** Phát biểu nào **không** phải là đặc điểm tự nhiên của Bắc Trung Bộ?

**A.** Lãnh thổ kéo dài và hẹp ngang.

**B.** Từ Tây sang Đông các tỉnh trong vùng đều có: núi, gò đồi, đồng bằng, biển và hải đảo.

**C.** Đồng bằng tập trung ở phía Tây, đồi núi tập trung ở phía Đông.

**D.** Thiên tai thường xuyên xảy ra gây nhiều khó khăn cho sản xuất và đời sống.

**Câu 10.** Quần đảo Hoàng Sa thuộc các tỉnh/thành phố nào của vùng Duyên hải Nam Trung Bộ?

**A.** Khánh Hòa.

**B.** Đà Nẵng.

**C.** Bình Định.

**D.** Phú Yên.

**III. MỘT SỐ CÂU HỎI**

**Câu 1.** Trình bày vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế – XH của vùng Trung Du miền núi Bắc Bộ

**Câu 2.** Bằng sự hiểu biết của em, hãy nêu vai trò của hệ thống đê điều ở Đồng bằng sông Hồng trong lịch sử và hiện tại?

**Câu 3.** Trình bày đc đặc điểm cơ bản về dân cư và xã hội của vùng Bắc Trung Bộ

**Câu 4.** Tại sao vấn đề bảo vệ và phát triển rừng có tầm quan trọng đặc biệt ở các tỉnh Duyên hải Nam Trung Bộ?

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ban giám hiệu****Phạm Thị Thanh Bình** | **Tổ CM****Trần Thu Thủy** | **Nhóm CM** **Bùi Thị Thứ** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS GIA QUẤT****Năm học 2022 - 2023** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI KÌ I****MÔN: LS & ĐL 6** |

**GỢI Ý – HƯỚNG DẪN TRẢ LỜI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** |
| **Đáp án** |  |  |  |  | A | A | A | D | A | D |

**I. MỘT SỐ DẠNG CÂU HỎI**

**Câu 1.**

\* Vị trí địa lí:

- Phía Bắc giáp:Trung Quốc.

- Phía Tây giáp: Lào.

- Phía Đông Nam giáp: biển.

- Phía Nam giáp:vùng ĐBSH và Bắc Trung Bộ.

\* Lãnh thổ:

Ở phía Bắc nước ta, chiếm 1/3 diện tích lãnh thổ của cả nước, có đường bờ biển dài.

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và đặc điểm dân cư – XH của vùng và những thuận lợi, khó khăn đối với sự phát triển kinh tế – XH.

- Biết vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng giàu về khoáng sản, thuỷ điện và đa dạng sinh học

- Nhận biết vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và nêu ý nghĩa của chúng đối với việc phát triển kinh tế – xã hội.

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và đặc điểm dân cư – xã hội của vùng và những thuận lợi , khó khăn đối với sự phát triển kinh tế

* Ý nghĩa của vị trí địa lí:

+ Thuận lợi cho việc giao lưu, hợp tác phát triển kinh tế xã hội trong và ngoài nước, đặc biệt với TQ

+ Có điều kiện phát triển kinh tế biển đa dạng (du lịch, thủy sản…).

+ Vị trí cũng gây nhiều khó khăn cho quản lí, an ninh quốc phòng

**Câu 2.**

- Hạn chế lũ lụt hàng năm do sông Hồng gây ra, đặc biệt vào mùa mưa bão.

- Làm cho diện tích đất phù sa của Đồng bằng sông Hồng không ngừng được mở rộng về phía biển.

- Làm cho địa bàn phân bố dân cư được phủ khắp châu thổ, làng mạc trù phú, dân cư đông đúc.

- Giúp cho nông nghiệp thâm canh, tăng vụ; công nghiệp, dịch vụ phát triển sôi động.

- Nhiều di tích lịch sử, giá trị văn hoá vật thể và phi vật thể được lưu giữ và phát triển.

**Câu 3.**

- Là địa bàn cư trú của 25 dân tộc (như: Thái, Mường, Tày, Mông, Bru-Vân Kiều…)

- Phân bố dân cư và hoạt động kinh tế có sự khác biệt giữa phía đông và phía tây của vùng.

+ phía Đông: hoạt động kinh tế chủ yếu là sản xuất lương thực, công nghiệp và dịch vụ.

+ phía Tây hoạt động kinh tế chủ yếu là nông nghiệp và lâm nghiệp.

- Thuận lợi : lực lượng lao động dồi dào, có truyền thống lao động cần cù , giàu nghị lực và kinh nghiệm trong đấu tranh với thiên nhiên. Vùng còn có nhiều di tích lịch sử, văn hóa.

- Khó khăn: đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, mức sống chưa cao, cơ sở vật chất kĩ thuật còn hạn chế.

**Câu 4.**

+ vì lãnh thổ hẹp ngang, chịu tác động thường xuyên của bão và hội tụ nhiệt đới.

+ khu vực Bình Thuận, Ninh Thuận mưa rất ít, hiện tượng sa mạc hóa mở rộng.

+ đồng bằng hẹp và bị cắt xẻ, sông ngắn và dốc, mưa tập trung vào thời kì có bão >>> lũ quét và ngập sâu.

+ mạng lưới đô thị, cơ sở hạ tầng và phần lớn dân cư tập trung ở vùng ven biển >>> bị thiệt hại khi có mưa bão lớn.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ban giám hiệu****Phạm Thị Thanh Bình** | **Tổ CM****Trần Thu Thủy** | **Nhóm CM** **Bùi Thị Thứ** |